

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA LỊCH SỬ

☆☆☆☆

BÀI TIỂU LUẬN

MÔN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

***VẤN ĐỀ DÂN TỘC
TRONG
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI***

GVHD: NGUYỄN THỊ THU HÀ

NHÓM THỰC HIỆN: TỔ 3 – LỚP SỬ 3B

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2008

I. KHÁI NIỆM, THÔNG TIN

Khái niệm dân tộc:

Dân tộc là một cộng đồng người ổn định được hình thành trong lịch sử trên một lãnh thổ nhất định, có chung mối liên hệ về kinh tế, chung ngôn ngữ, chung nền văn hóa.

Khái niệm quốc gia – dân tộc:

Dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước, có lãnh thổ, quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình, gắn bó với nhau bởi ích lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh trong suốt lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Theo nghĩa này dân tộc đồng nghĩa với quốc gia dân tộc.

Thông tin

- Số ngôn ngữ trên thế giới: 6.800 ngôn ngữ

Trong đó các ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất là: Quan Thoại 845 triệu người, tiếng Anh 485 triệu người, Hindi 338 triệu người, Tây Ban Nha 331 triệu người, tiếng Nga 291 triệu người (thống kê năm 2004).

- Hiện nay trên thế giới có trên 200 quốc gia và vùng lãnh thổ

- Quốc gia có diện tích lớn nhất thế giới là liên bang Nga với diện tích 17.075.400 Km².

Liên bang Nga là quốc gia rộng nhất thế giới trải dài từ miền đông châu Âu, qua trên phía bắc châu Á, sang đến bờ Thái Bình Dương. Liên bang Nga là quê hương của 160 dân tộc. Theo điều tra dân số năm 2002 thì 79,8% dân số là người Nga, 3,8% là người Tatar, 2% là người Ukrain, 1,2% là người Bashkir, 1,1% người Chuvash, 0,9% người Chechen, 0,8% người Armenia và 10,3% còn lại bao gồm những người không rõ sắc tộc cũng như Avar, người Azerbaijan, người Belarus,

người Hoa, người Evenk, người Grudia, thiểu số người Đức, người Ingus, người Inu^{it}, người Kalmyks, người Karelian, người Kazakh, người Triều Tiên, người Mari, người Mordvin, người Nenet, người Ossetia, người Ba Lan, người Tuvan, người Udmurt, người Yakut v.v.

Tiếng Nga là ngôn ngữ chính thức duy nhất, nhưng các nước cộng hòa riêng rẽ thông thường có ngôn ngữ chính thức thứ hai, cùng với tiếng Nga, là ngôn ngữ bản địa. Chữ cái Kirin (*Cyrillic alphabet*) là chữ viết chính thức duy nhất, điều đó có nghĩa là các ngôn ngữ khác phải được viết bằng chữ cái này trong các văn bản chính thức.

- Quốc gia có diện tích nhỏ nhất thế giới là Vatican với diện tích 4.44km² . Vatican là một thành phố quốc gia có chủ quyền nằm kín trong lục địa với lãnh thổ gồm một vùng đất được xây tường bao kín bên trong thành phố Rôma. Với diện tích xấp xỉ 44 héc-ta (108,7 mẫu Anh), đây là quốc gia độc lập nhỏ nhất thế giới. Vatican, chính thành phố đã là một công trình văn hóa có ý nghĩa rất lớn, rất quan trọng. Những công trình như Thánh đường thánh Peter và nhà nguyện Sistine là nơi tập hợp nhiều tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng trên thế giới, trong đó có những tác phẩm của những nhà nghệ thuật lừng danh như Botticelli, Bernini và Michelangelo. Thư viện Vatican và những bộ sưu tập của viện bảo tàng Vatican có tầm quan trọng rất lớn về lịch sử, khoa học và văn hóa. Năm 1984, Vatican được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa thế giới, đặc biệt là chỉ một Vatican thôi nhưng lại bao gồm cả đất nước (Vatican là một thành phố, nhưng cũng là một đất nước). Dân số thường trực của Vatican, nam chiếm ưu thế hơn, mặc dù có hai dòng tu của các sơ ở Vatican. Một bộ phận chiếm số dân nhỏ là các tu sĩ cao niên và các thành viên còn lại (thường là người dân) của các hội đạo, họ đạo.

Các phong tục kỳ lạ ở Việt Nam:

Cưới xin:

Ngày xưa ở nhiều địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh có lệ tục mẹ chồng ra cất nón cho con dâu: Nhà trai đặt sẵn trước ngõ một cái nồi đồng, một cái gáo, trong nồi đặt sẵn một quan tiền đồng và đựng đầy nước trong. Cô dâu vào đến cổng dùng gáo múc nước rửa mặt mũi, chân tay, mẹ chồng bước ra cất nón cho con dâu. Con dâu, một tay cầm lấy quan tiền, một tay vẫn cầm quạt che mặt. Mẹ chồng dắt con dâu vào nhà đặt quan tiền và cái quạt lên bàn thờ, cúi đầu lễ gia tiên (bốn lạy ba vái theo tư thế của nữ). Sau đó mẹ chồng dắt cô dâu cầm cả tiền và quạt vào buồng. Trong buồng đã chuẩn bị sẵn trầu nước hoa quả, giường chiếu mới. Đôi chiếu trải úp vào nhau, do một người thân trong họ có tuổi tác, vợ chồng song toàn, con cháu đông, làm ăn nên nổi, được gia đình mời đến trải chiếu; nếu mẹ chồng có đủ tiêu chuẩn trên thì mẹ chồng trực tiếp dọn giường trải chiếu, nhưng bố chồng thì không được. Khi con dâu nghỉ ngơi xong, khăn yếm chỉnh tề mới bung hộp trầu ra chào họ. Trường hợp mẹ chồng đã mất thì một bà cô hay bà dì thay thế.

Phụ nữ trong quá trình chữa đẻ:

Trong quá trình mang thai người phụ nữ nên kiêng ăn cua (ăn cua sẽ đẻ ngang), không ăn thịt thỏ (trẻ sinh ra sẽ bị sút môi), kiêng ăn trai sò ốc hến (con đẻ ra sẽ bị bệnh nhiều dốt dãi), người mẹ ăn trứng gà luộc thì con sinh ra sẽ có nước da trắng trẻo, hồng hào. Trong suốt thời gian thai nghén người đàn bà phải đứng ngồi ngay ngắn. Có như thế sau này con mới trở thành người ngay thẳng. Bà mẹ tương lai tránh nhìn những cảnh không hay, tránh nghe những chuyện không đúng đắn, không tốt, để cho con sau này thành người đàng hoàng, tử tế.

Thời gian thai nghén trung bình là chín tháng mười ngày. Quá thời hạn này mà chưa đẻ thì gọi là chữa trâu. Phải trừ bỏ cái lâu đi. Chữ lâu, tiếng Hán Việt có nghĩa là cái giây thừng buộc mũi trâu. Vì thế cho nên chỉ cần cắt sợi giây thừng buộc mũi trâu đi, tức là trừ bỏ cái lâu đi, thì tất nhiên mọi chuyện sẽ được nhanh chóng. Người vợ sẽ nhanh chóng sinh.

Các phong tục kỳ lạ trên thế giới:

Phong tục trong hôn nhân giả

Dân tộc Orichi (vùng Sibéri - Nga) có không quá 5.000 người. Dân chúng phân tán ở vùng Tây Sibéri. Ở đây người ta vẫn duy trì những phong tục cũ, ví dụ như hôn nhân giả. Vào đêm đầu năm mới, những người có gia đình trao đổi vợ chồng với nhau. Người ta cho rằng khi đó thần linh sẽ xác định số phận của gia đình trong suốt năm mới. Hôn nhân giả giúp xua tan những bất hạnh có thể gặp. Các cặp hôn nhân giả do hội đồng các bà góa lựa chọn: đó là những phụ nữ nhiều tuổi, **không** có cả chồng lẫn con. Họ đưa cho người đàn ông tờ giấy ghi tên người vợ giả của người đó. Vào tối ngày cuối cùng của năm, người đàn ông báo cho bà vợ thực của mình là anh ta sẽ đón năm mới với ai. Còn vợ của anh ta, cho đến tận đêm, vẫn không biết người chồng giả của mình. Vào ngày trước năm mới, người vợ trang hoàng nhà, chuẩn bị các món ăn ngày lễ, mặc đồ đẹp và chờ đợi khi nào người chồng giả đến và đưa cô về nhà mình. Trong thời gian đó chồng cô đi đón người vợ giả và đưa cô ấy về nhà. Nói chung, trong ngày lễ đầu năm mới cả vợ và chồng thật đều sống với vợ chồng giả. Việc gần gũi tình dục với vợ chồng giả không phải là nhất thiết, nhưng theo luật bất thành văn việc đó được hoan nghênh. Vào buổi sáng hôm sau người phụ nữ cần dọn dẹp lại nhà cửa - nơi cô ngủ qua đêm. Sau đó cô quay về với người chồng hợp pháp của mình. Ở đó cũng sạch sẽ và ngăn nắp: người vợ giả của chồng đã lo trước cho việc này.

Cho thuê vợ

Người Eskimo ở vùng lục địa Alaska và những người Chukchi nuôi hươu từ xưa vẫn có phong tục cho thuê vợ ngắn hạn. Khi người đàn ông của một bộ lạc mạnh mẽ hơn chuẩn bị đi săn bắn, anh ta luôn có quyền đem theo vợ của ai đó đã được người ta giới thiệu cho. Trong thời gian đi săn, người phụ nữ cố gắng hết sức để tỏ ra không chỉ là một người nội trợ tuyệt vời, mà còn là một người tình cuồng nhiệt. Vấn đề hoàn toàn không phải là sự suy đồi đạo đức của các dân tộc miền Bắc, mà là, cũng như đối với dân vùng duyên hải, sự lo lắng cho sức khỏe của những thế hệ tương lai.

Lễ hành xác ở Thái Lan

Theo truyền thống, cứ vào khoảng đầu mùa thu hàng năm, cộng đồng người Hoa sống trên đảo Phuket thuộc lãnh thổ Thái Lan lại tổ chức lễ hội ăn kiêng (Vegetarian Festival) để tôn vinh lòng thành kính đối với đức Phật quyền năng. Một trong những hoạt động được nhiều người trông đợi nhất đó chính là phần lễ hành xác của hơn 100 thanh niên trai tráng nhằm chứng minh sự can đảm sẵn sàng hy sinh và sùng bái tôn giáo của mình. Những thanh niên được chọn lựa tham gia phần lễ này phải là những người có "máu lạnh" và "gan sắt" vì họ sẽ tự mình hoặc để người khác đâm những vật sắc nhọn như dao kéo, lưỡi cưa, thậm chí cả những dụng cụ làm vườn xuyên thủng qua miệng và một số bộ phận trên cơ thể. Không những thế sau khi kết thúc phần lễ rùng rợn này các thành viên sẽ phải trải qua màn đi trên than đỏ và tắm bằng bơ đun sôi.

Lấy vợ đãi khách

Cho đến ngày nay ở nhiều nơi trên thế giới vẫn có một phong tục kỳ lạ: Đãi khách bằng chính vợ chủ nhân. Phong tục này có liên quan đến những kiểu “mê tín” khác nhau. Ở miền Bắc Kamchatka (vùng Viễn Đông của Nga), trong nhiều thế kỷ, một dân tộc thiểu số vùng ven biển vẫn quan niệm rằng để khách quan hệ với vợ chủ nhà là vinh dự lớn. Với mục đích này chủ nhà luôn mong muốn vợ mình tỏ ra hấp dẫn trước người khách để người đó không thể cưỡng lại được sự quyến rũ. 9 tháng sau, nếu nữ chủ nhà sinh được con từ người lạ, thì cả làng ăn mừng sự kiện này như một ngày lễ lớn đã được trông đợi từ rất lâu.

Chú rể mặcáo nịt ngực

Trên một hòn đảo nhỏ nằm cách New Zealand không xa là nơi ngự trị của vương quốc Tong. Du khách đến đây sẽ được làm quen với những phong tục rất lạ lùng. Chú rể mặc áo... nịt ngực. Họ ăn mặc hết như phụ nữ: phía trên là áo ngực, phía dưới là váy, trên đầu cài hoa. Họ hoàn toàn không phải là các gã pêđê như du khách lầm tưởng ban đầu mà bởi vì cha mẹ thụ thai họ vào ngày mà theo thầy phù

thủy thì ngày hôm ấy các chúa chính - chúa Số phận và Trái đất chỉ có thiện cảm với việc thụ thai các bé gái. Và họ ra đời khi mà theo lịch địa phương, cái chết nhanh chóng và sự nguyên rủa đang chờ đợi những bé trai mới sinh.

Bởi vậy để đánh lừa số phận, cha mẹ những đứa bé này sẽ giáo dục chúng như những bé gái: từ nhỏ chúng đã được mặc quần áo nữ, còn khi lớn lên sẽ được dạy làm các công việc của phụ nữ. Những chàng trai không cảm thấy tức giận vì họ tin rằng bằng cách đó họ thực sự đánh lừa được số phận

II. CÂU HỎI

Câu 1:

Phân tích những nguyên nhân dẫn đến xung đột trên thế giới.

Nguyên nhân xung đột dân tộc.

1 Định nghĩa

a. Dân tộc (đã có ở phần khái niệm)

b. Xung đột dân tộc là sự cạnh tranh giữa các nhóm dân tộc từ sự đối đầu thực sự để dành nguồn tài nguyên hạn hẹp nào đó dẫn đến sự khác biệt về lợi ích đối lập nhau khi mà chỉ 1 trong các nhóm ấy trở thành người chiến thắng và xâm hại đến lợi ích của nhóm còn lại.

2. Nguyên nhân dẫn đến xung đột

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến xung đột giữa các dân tộc. Ngoài sự nảy sinh mâu thuẫn tự thân trong quá trình vận động của chính các cộng đồng dân tộc, còn có tác động của nhiều thế lực nằm ngoài cộng đồng. Điều này thể hiện khá rõ ở tâm điểm chú ý của thế giới, khu vực điểm nóng: Trung Đông.

Mâu thuẫn dân tộc là nhân tố chủ yếu gây ra xung đột khu vực và quốc tế. Mâu thuẫn dân tộc về cơ bản được xếp vào 3 dạng tình huống: thứ nhất mâu thuẫn giữa các dân tộc ưu thế phía Tây và nhiều dân tộc yếu thế hơn nó trên thế giới; thứ

hai là xung đột và mâu thuẫn dân tộc mang tính khu vực như trường hợp xung đột của Parlestin và Israel, xung đột các tộc người ở Cônggô, vấn đề tranh chấp Kasermir giữa Ấn độ và Parkistan...; thứ ba là mâu thuẫn giữa các tộc người bên trong lãnh thổ quốc gia như vấn đề Chesnia - Nga, Đông Timo và Ajecebese thuộc Indonesia. Ngoài ba loại xung đột trên có thêm một loại xung đột là chủ nghĩa li khai dân tộc đa quốc gia.

Chúng ta có thể phân ra một số nguyên nhân chủ yếu sau:

Tôn giáo:

Thông thường vấn đề dân tộc liên quan chặt chẽ đến vấn đề tôn giáo. Không có một dân tộc nào là không có tín ngưỡng tôn giáo, nhiều khi một dân tộc sùng kính vài loại tôn giáo. Đối với những dân tộc như vậy chỉ vì bất đồng tín ngưỡng tôn giáo hoặc cùng một tôn giáo nhưng khác biệt về giáo phái đều gây ra tranh chấp. Đặc biệt đối với các quốc gia đa dân tộc, những bất đồng nội bộ xử lý thiếu thỏa đáng ngay lập tức trở thành xung đột dân tộc-tôn giáo.

Trường phái xã hội học tôn giáo nghiên cứu xung đột tôn giáo thừa nhận, tôn giáo như một nguyên nhân gây chia rẽ xã hội. Nhiều nhà lí luận bàn về xung đột tôn giáo thường lật giở lịch sử, trên quan điểm lịch sử quan sát cho thấy đạo Do Thái, đạo Thượng Đế, đạo Islam, đạo Giatô... và nhiều tôn giáo dị đoan vẫn liên tục xung đột không ngừng. Ngoài ra tôn giáo và xã hội đời thường cũng đã từng nhiều phen tranh chấp. Các cuộc xung đột dạng này điều gây chia rẽ xã hội- nguyên nhân của sự bất ổn định và rối ren. Một khi bất đồng tín ngưỡng tôn giáo rất dễ dàng tính xung đột tôn giáo hòa với tính đoàn kết dân tộc đồng nhất khởi phát xung đột dân tộc- tôn giáo, như trường hợp mâu thuẫn tín đồ phái Tăng Gia La (Phật giáo) với Tamil (Ấn Độ giáo).

Lợi ích dân tộc:

- Kinh tế

Thời kì làn sóng toàn cầu hóa về kinh tế thúc đẩy xã hội biến đổi và chuyển mình từng giờ kéo theo sự đổi mới tôn giáo, nguyên nhân kinh tế xem như động lực tạo ra vấn đề phân tầng dân tộc-tôn giáo sâu sắc. Việc toàn cầu hóa kinh tế lớn mạnh vượt bậc đã tạo ra khoảng cách giữa quốc gia và dân tộc. Điều này không chỉ dễ dàng xảy ra mâu thuẫn đất nước, tạo ra bất đồng giữa giai cấp và cộng đồng trong nội bộ quốc gia và dân tộc vốn dĩ đã quá nhiều khoảng cách, mà nó còn phản ánh nguyên nhân từ trong tôn giáo điều do xung đột các tập đoàn bất đồng tôn giáo.

- Ảnh hưởng (vị thế)

Một số cường quốc thực hành chủ nghĩa bá quyền, mượn cớ đủ loại can thiệp thô bạo vào vấn đề dân tộc ở những quốc gia độc lập có chủ quyền, kích động và ủng hộ chủ nghĩa li khai dân tộc gây mâu thuẫn nội bộ, thậm chí sử dụng vũ lực can thiệp quân sự như trường hợp Iraq và Afghanistan. Điều này không chỉ ngăn trở việc giải quyết vấn đề trái lại khiến cho nó phức tạp hóa, mà việc nước Mỹ phát động chiến tranh Kosovo-Nam Tư là một điển hình.

Như vậy có nhiều nguyên nhân dẫn đến xung đột dân tộc, để giải quyết xung đột người ta sử dụng biện pháp hòa giải.

Câu 2:

Vì sao Đảng, nhà nước ta lại coi vấn đề dân tộc là vấn đề có tầm quan trọng chiến lược của cách mạng Việt Nam.

Vấn đề dân tộc là một nội dung quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin và của Cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế vấn đề dân tộc cũng là một trong những nội dung được Đảng và nhà nước ta quan tâm hàng đầu hiện nay.

Khi niệm dân tộc:

Dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau nhưng chủ yếu theo hai nghĩa:

Chỉ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hóa đặc thù, xuất hiện sau bộ lạc bộ tộc, kế thừa phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của cư dân tộc người đó.

Chỉ một cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình, gắn bó với nhau bằng lợi ích chính trị, kinh tế truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước.

Đặc điểm của dân tộc Việt Nam:

Việt Nam là một quốc gia thống nhất có 54 dân tộc anh em các dân tộc thiểu số chiếm 13% dân số phân bố trên khắp cả nước, mỗi dân tộc lại có một nét văn hóa đặc trưng, tạo nên bản sắc văn hóa Việt.

Các dân tộc đã cùng chung sống lâu đời với nhau, gắn liền với nhau trong quá trình dựng nước và giữ nước do đó các dân tộc đều có ý thức về một đất nước Việt Nam, đều thừa nhận tiếng Việt là ngôn ngữ chung trong quan hệ giao tiếp. Các dân tộc ở nước ta có lịch sử gắn bó lâu đời, có lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước đoàn kết bền vững. Những điều đó góp phần quan trọng xây dựng khối đoàn kết dân tộc- sức mạnh tổng hợp của dân tộc Việt Nam.

Các dân tộc Việt Nam cư trú phân tán và xen kẽ nhau. Nhờ vậy các dân tộc có sự giao thoa văn hóa giữa các vùng trong cả nước.

Mặt khác các dân tộc thiểu số thường cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế và an ninh quốc phòng. Do nhiều nguyên nhân mà trình độ phát triển kinh tế văn hóa xã hội của các dân tộc ở nước ta là không đồng đều thậm chí một số dân tộc vẫn còn ở trong tình trạng nguyên thủy. Tuy vậy mỗi dân tộc có những giá trị bản sắc văn hóa riêng tạo nên sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam.

Đảng và Nhà nước ta xem vấn đề dân tộc là nội dung có ý nghĩa chiến lược hàng đầu:

Dựa trên cơ sở tư tưởng của Mac, Ăngghen về vấn đề dân tộc; dựa vào sự tổng kết kinh nghiệm đấu tranh của phong trào cách mạng thế giới và xuất phát từ thực tiễn cách mạng và đặc điểm của dân tộc Việt Nam Đảng và nhà nước luôn xem vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là nội dung có ý nghĩa chiến lược hàng đầu.

Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước nhân dân Việt Nam luôn phải đấu tranh chống sự bành trướng của các thế lực bên ngoài. Đoàn kết và đấu tranh bất khuất đã trở thành truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc ta. Chính nhờ truyền thống đó mà nhân dân ta đã đánh thắng kẻ thù kẻ cả những đế quốc hùng mạnh như Pháp, Mĩ, giành lại độc lập và xây dựng đất nước

Trong những chặng đường lịch sử, từ thời vua Hùng dựng nước dân tộc ta đã đoàn kết một lòng chiến đấu chống lại ách thống trị của phong kiến phương Bắc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia dân tộc

Truyền thống cao quý đó của dân tộc đã được Hồ Chủ tịch kính yêu phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới và được thực hiện trong chính sách đại đoàn kết của Người. Một trong những âm mưu của kẻ thù là tìm cách chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, hòng làm suy yếu phong trào yêu nước và truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta. Hồ chủ tịch đã chỉ ra “chỉ có đoàn kết phấn đấu dân ta mới được độc lập”.

Đề đưa cách mạng đến thắng lợi và cũng xuất phát từ lợi ích dân tộc ta Người chủ trương đoàn kết chặt chẽ, đoàn kết thật sự, đoàn kết lâu dài với mọi người yêu nước tạo thành độc lập và thống nhất tổ quốc không phân biệt giai cấp tôn giáo, đảng phái, dân tộc... miễn là có quyết tâm chống kẻ thù, giải phóng dân tộc. Người đã từng nói “Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau ở nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này người thế khác nhưng thế này hay thế khác đều là dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng ta

phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc. Đối với đồng bào lạc lõng lầm đường ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ, có như thế mới thành đoàn kết có đại đoàn kết thì tương lai chắc chắn về vang”.

Nhờ có chủ trương sáng suốt của Người khôi đại đoàn kết toàn dân của ta ngày càng được củng cố vững chắc và trở thành lực lượng to lớn không kẻ thù nào thắng nổi.

Trong lịch sử dân tộc, đoàn kết là sức mạnh làm nên những chiến thắng về vang: Cách mạng tháng Tám, kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc cũng được chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết thành chân lí “đoàn kết đại đoàn kết, thành công đại thành công”. Chiến tranh kết thúc, nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bắt tay vào công cuộc khôi phục và xây dựng đất nước.

Nắm vững tầm quan trọng của việc đoàn kết dân tộc, Đảng và nhà nước luôn có những chính sách phù hợp để phát huy được sức mạnh tổng hợp này. Trong giai đoạn hiện nay Đảng ta luôn coi vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề quan trọng mang tính chiến lược.

Trong giai đoạn hiện nay, chiến tranh đã qua nhưng âm mưu xâm lược và chống phá cách mạng xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch vẫn còn, nó thể hiện ở nhiều hình thức khác nhau như: chiến tranh lạnh, diễn biến hòa bình, chính sách phân biệt chủng tộc....Nếu Đảng và Nhà nước ta không có những chính sách dân tộc phù hợp sẽ tạo thành kẽ hở cho bọn phản cách mạng lợi dụng, chia rẽ dân tộc, gây thù hằn dân tộc, làm mất đi sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết mà “cuộc bạo động ở Tây Nguyên” và các giáo dân Hà Nội là một ví dụ.

Mặc dù vừa chiến tranh vừa xây dựng đất nước nhưng nhờ có sự chung sức chung lòng nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn:

Nhân dân đã xây dựng được một nước Việt Nam với nền kinh tế văn hóa ngày càng phát triển đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế. Tất cả mọi người dân Việt Nam trong nước

hay nước ngoài luôn hướng về tổ quốc xây dựng mặt trận đại đoàn kết dân tộc đoàn kết xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Nói như Tổng bí thư Lê Khả Phiêu “Từ thời đại các vua Hùng đến thời đại Hồ Chí Minh, đặc điểm quý báu nhất của khối đại đoàn kết dân tộc của chúng ta là tỏa khắp non sông mà thu về một mối, dựa trên một nền xoay quanh một trục, hễ là người Việt Nam ai cũng có lòng yêu nước, đều là con cháu Lạc Hồng”

Với tinh thần sáng tạo, nhân dân đã nhanh chóng khôi phục và hàn gắn vết thương chiến tranh từng bước vượt qua khó khăn thử thách đưa đất nước bước vào thời kì công nghiệp hóa - hiện đại hóa, sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới

Từ đại hội VI (12/1986) Đảng ta tiến hành đổi mới chuyển từ nền kinh tế nhà nước tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường dưới sự quản lí của nhà nước, mở rộng quan hệ giao lưu với các dân tộc trên thế giới không phân biệt chế độ chính trị. Nhờ vậy nước ta có điều kiện giao lưu và học hỏi kinh nghiệm, tiếp thu tinh hoa văn hóa của các nước để phát triển nền kinh tế văn hóa mình. Chính trong hoàn cảnh đó Đảng ta đã có những chính sách phù hợp để giữ vững lập trường là “hòa nhập chứ không hòa tan”.

Câu 3:

Phân tích những cơ sở lý luận và thực tiễn để Đảng ta đưa ra và giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam

Vấn đề dân tộc là một vấn đề có vị trí chiến lược trong chính sách của Đảng và nhà nước ta. Vì vậy, việc đưa ra những chính sách đúng đắn để giải quyết các vấn đề dân tộc là rất quan trọng. Dựa trên những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin và tình hình thực tiễn của đất nước, Đảng và chính phủ đã đưa ra những quyết sách của mình.

Cơ sở lý luận

Chủ Nghĩa Mác –Lênin: theo Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác Lênin.

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:

- Nghĩa là các dân tộc có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau, không dân tộc có đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ... trong quan hệ xã hội và quan hệ kinh tế. Điều này đã được khẳng định trong các luật pháp các nước cũng như công ước quốc tế.

- Đó là quyền thiêng liêng của các dân tộc. Trong Tuyên ngôn độc lập của nước Pháp, nước Mỹ đã khẳng định điều này. Một lần nữa trong bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Bác Hồ cũng đã khẳng định “Các dân tộc sinh ra đều có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được...”.

- Trong một quốc gia nhiều thành phần dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được luật pháp ghi nhận, bảo vệ và thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Điều đó có ý nghĩa cơ bản để thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc là khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại.

- Trên phạm vi thế giới, trong giai đoạn hiện nay đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc gắn liền với việc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc Sô-vanh, chống sự áp bức bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước chậm phát triển.

- Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc.

Các dân tộc có quyền tự quyết

Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của mình, quyền tự quyết định chế độ chính trị- xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình.

Quyền này thể hiện trước hết ở quyền tự quyết về chính trị. Quyền tự quyết về chính trị là quyền thành lập quốc gia dân tộc độc lập. Tự quyết về chính trị còn có nghĩa là có quyền liên hiệp với các dân tộc khác thành liên bang dân tộc trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và cùng có lợi.

Thực chất của quyền này là thực hiện quyền làm chủ của dân tộc, tự quyết định vận mệnh của dân tộc trên mọi lĩnh vực. Còn đối với các dân tộc lệ thuộc, thuộc địa đó là sự giải phóng dân tộc khỏi sự kìm kẹp và đưa đất nước mình tiến lên theo con đường mà nhân dân đã lựa chọn.

Khi xem xét giải quyết quyền tự quyết của dân tộc cần đứng trên lập trường của giai cấp công nhân:

Triệt để ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ phù hợp với lợi ích chính đáng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực đế quốc lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, giúp đỡ các thế lực phản động, dân tộc chủ nghĩa, đàn áp các lực lượng tiến bộ, đòi li khai và đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới, chủ nghĩa tư bản.

Liên hiệp công nhân các dân tộc.

Đây là tư tưởng cơ bản trong cương lĩnh:

Nó phản ánh bản chất quốc tế của giai cấp công nhân.

Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

Bảo đảm cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng Vô sản”.

Những người Cộng sản lấy đoàn kết công nhân tất cả các dân tộc làm mục tiêu phấn đấu và tổ chức lực lượng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Cơ sở thực tiễn:

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc (54 dân tộc). Người Kinh (Việt) chiếm 87% dân số, còn 53 dân tộc thiểu số chiếm 13%.

Trong đó:

- + Có 11 dân tộc có số dân từ trên 1 triệu xuống tới 100 nghìn người (Tày, Nùng, Thái, Mường, Hoa, Khmer, Hmông, Dao, Giarai, Bana, Êđê).
- + Có 20 dân tộc từ 100 nghìn người xuống tới 10 nghìn người.
- + Có 16 dân tộc từ 10 nghìn người xuống tới 1 nghìn người.
- + Có 6 dân tộc từ dưới 1 nghìn người xuống tới 100 người (Cống, Sila, Romăm, Ođú,...)

Có thể họ là những dân tộc bản địa đã sinh sống ở Việt Nam từ trước khi lập quốc, cũng có thể là những dân tộc mới nhập cư vào những thế kỉ gần đây.

Các dân tộc đã từng chung sống với nhau từ lâu đời, gắn liền với quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, đều có ý thức về một tổ quốc Việt Nam, đều thừa nhận tiếng Việt làm ngôn ngữ chung trong quan hệ giao tiếp.

Các dân tộc nước ta có lịch sử gắn bó lâu đời, có lòng tự hào dân tộc, lòng yêu nước, đoàn kết bền vững.

Các dân tộc sống xen kẽ là chủ yếu, không dân tộc nào có vùng lãnh thổ riêng. Còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa (có dân tộc còn ở trình độ nguyên thủy như người Rục, Lahei,...)

Các dân tộc ít người thường cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng cả về kinh tế, an ninh quốc phòng.

Bên cạnh những điểm thuận lợi thuận trên, có lúc, có nơi vẫn xảy ra hiện tượng tiêu cực trong quan hệ dân tộc. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng vấn đề dân tộc để gây chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

Câu 4:

Anh chị hãy đưa ra nhận xét về chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta (tính toàn diện , tính nhân đạo)

Việt Nam ta là một nhà nước độc lập, thống nhất gồm nhiều dân tộc anh em chung sống. Đối với các dân tộc thì tình yêu quê hương, yêu dân tộc, yêu đất nước gắn bó chặt chẽ với nhau là cả một quá trình trong sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng cuộc sống mới.

Sinh thời, Bác Hồ từng kêu gọi: “Phải đoàn kết các dân tộc anh em, cùng nhau xây dựng Tổ quốc. Phải ra sức làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng cao tiến kịp vùng thấp”.

Ngay từ buổi đầu cách mạng, với đường lối đúng đắn, Đảng cộng sản Việt Nam đã tập hợp được một đội ngũ chiến sĩ kiên cường, những người con ưu tú của các dân tộc anh em tham gia xây dựng lực lượng vũ trang, thành lập Mặt trận Việt Minh, lập nên các khu căn cứ địa, mở đường tiến lên giải phóng hoàn toàn đất nước. Tính tích cực cao của nhân dân các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp giải phóng đất nước là do Đảng cộng sản Việt Nam với những chính sách đúng đắn của mình đã động viên, phát huy lòng yêu nước và tự hào dân tộc, truyền thống đấu tranh và tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc ở nước ta.

Văn kiện Đại hội Đảng lần X đã xác định: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc có vị trí chiến lược lâu dài trong sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân

trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, tiếng nói, chữ viết và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng; làm tốt công tác định canh, định cư và xây dựng vùng kinh tế mới. Quy hoạch, phân bổ, sắp xếp lại dân cư, gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; động viên, phát huy vai trò của những người tiêu biểu trong các dân tộc. Thực hiện chính sách ưu tiên trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tri thức là người dân tộc thiểu số. Cán bộ công tác ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi phải gần gũi, hiểu phong tục tập quán, tiếng nói của đồng bào dân tộc, làm tốt công tác dân vận. Chống các biểu hiện kỳ thị, hẹp hòi, chia rẽ dân tộc”.

Nét đặc trưng nổi bật trong chính sách dân tộc là tính toàn diện và tính nhân đạo.

Tính toàn diện thể hiện đầy đủ trong các mặt kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội...

Về mặt kinh tế, Đảng và Nhà nước đã có chính sách phát triển kinh tế hàng hóa ở các vùng dân tộc thiểu số, phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng miền, đảm bảo cho đồng bào có thể khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đây là vấn đề cực kì quan trọng để khắc phục sự chênh lệch về kinh tế, văn hóa, đảm bảo sự bình đẳng thực sự giữa các dân tộc. Đi cùng với việc phát huy tiềm lực kinh tế, chúng ta cần chú trọng bảo vệ môi trường thiên nhiên, ổn định đời sống của đồng bào, gắn đồng bào tại chỗ, đảm bảo sự đoàn kết giữa các dân tộc.

Về văn hóa - xã hội, Đảng đã có những chính sách nhằm bảo lưu và phát triển nền văn hóa đặc sắc của các dân tộc. Tôn trọng ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của đồng bào, từng bước nâng cao dân trí đồng bào các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số ở vùng núi cao, hải đảo. Đây là một vấn đề quan trọng và rất tế nhị, chúng ta cần lắng nghe ý kiến của đồng bào và có chính sách thật cụ thể nhằm làm cho nền văn

hóa chung vừa hiện đại, vừa đậm đà bản sắc dân tộc, ngày càng phong phú và rực rỡ.

Về chính trị, chúng ta tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh kiên cường của các dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, chống lại tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, nghiêm cấm mọi hành vi miệt thị và chia rẽ dân tộc. Khối đại đoàn kết dân tộc được giữ vững chính là vũ khí sắc bén để chống lại âm mưu chống phá nhà nước và chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó cần tăng cường bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; đồng thời giáo dục tinh thần đoàn kết, hợp tác cho các cán bộ các dân tộc. Bởi, chỉ có tinh thần đó mới phù hợp với đòi hỏi khách quan của công cuộc phát triển dân tộc và xây dựng đất nước. Trong công cuộc đó, không dân tộc nào có thể chỉ sử dụng đội ngũ cán bộ xuất thân từ dân tộc mình, ngược lại, cần sự hỗ trợ lẫn nhau giữa đội ngũ cán bộ thuộc mọi dân tộc trong cả nước.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước mang tính toàn diện, tổng hợp, quán xuyên tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cả cộng đồng quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc.

Bên cạnh đó chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước còn mang tính nhân đạo sâu sắc. Bởi vì, chính sách này đã không bỏ sót bất cứ dân tộc nào, không cho phép bất cứ tư tưởng khinh miệt, kì thị chia rẽ dân tộc; nó tôn trọng quyền làm chủ của mỗi con người và quyền tự quyết của các dân tộc. Mặt khác, nó còn nhằm phát huy nội lực của mỗi dân tộc, kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB CTQG
2. Hỏi đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXB Trẻ
3. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB CTQG
4. <http://www.ubdt.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=1731>
5. cema.gov.vn/modules.php?name=Content&op=details&mid=1150
6. www.tamlyhoc.net/forum/index.php?topic=976.new
7. Báo Tuổi trẻ
8. Báo Thanh niên
9. Atlas địa lý thế giới, NXB GD
10. www.vantuyen.net/index.php?view=story&subjectid=5926
11. forum.zing.vn/archive/index.php/t-61514.html
12. chimvietfree.fr

DANH SÁCH TỔ 3

1. Châu Thanh Phương
2. Nguyễn Thị Thanh
3. Trần Văn Thuật
4. Bùi Thị Thanh
5. Nguyễn Thị Nhuyễn
6. Hà Như Quỳnh
7. Vi Thị Thành
8. Liêng Hot Sađekka
9. Ka Thoa
10. Trương Thị Thanh
11. Hoàng Thị Minh Tâm
12. Lê Yên
13. Đinh Xuân Tám